

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2020
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Trần Thị Nga

2/. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 504/2020/TLST-HN ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Phạm Bích T, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp LL, xã DT A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp LL, xã DT A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị cưới nhau vào khoảng năm 2017. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Thành A cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu khi cưới nhau về thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị xảy ra nhiều quan điểm trái ngược nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp với nhau. Chồng chị không lo lắng làm ăn, không chăm lo được cho cuộc sống gia đình, thậm chí còn thường xuyên chửi mắng xúc phạm cha mẹ chị. Hiện tại mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại được và anh chị đã ly thân cách đây khoảng hơn 07 tháng. Nay chị thấy cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Phạm Văn N.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018. Hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn N: Mặc dù anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh N theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Phạm Văn N chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại chị T xác định chị không còn tình cảm với anh N. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của chị T và anh N nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc chị T và anh N ly thân với nhau thì người con Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018 là do chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả người con Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị T và anh N không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh N. Anh N có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh N vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã ĐTA cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị T và anh N lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng 06 tháng qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình tố tụng chị T cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh N, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía chị T xác định hiện tại chị đã không còn tình cảm gì với anh N, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị T và anh N là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị T và anh N ly thân với nhau thì người con tên Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018 là do chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao người con tên Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích T; Xử cho chị Phạm Bích T được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con tên Phạm Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Phạm Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn N.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Phạm Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007922 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Phạm Bích T và anh Phạm Văn N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã ĐTA
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng